VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

CHỦ TỊCH NƯỚC

CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1405/QĐ-CTN

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho thôi quốc tịch Việt Nam

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 và Điều 91 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 205/TTr-CP ngày 28/6/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho thôi quốc tịch Việt Nam đối với 79 công dân hiện đang cư trú tại Hàn Quốc (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các công dân có tên trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Phúc

DANH SÁCH
CÔNG DÂN VIỆT NAM HIỆN CƯ TRÚ TẠI HÀN QUỐC ĐƯỢC CHO THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM
(Kèm theo Quyết định số 1405/QĐ-CTN ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch nước)

1. **Huỳnh Bảo Ngọc**, sinh ngày 06/5/2003 tại Kiên Giang — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường An Bình, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, GKS số 23 ngày 23/01/2013
Hiện trú tại: 462, Gimhae-daero, Jinyeong-eup, Gimhae-si, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: C8708495 cấp ngày 08/01/2020 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 51D Trương Định, khu phố 5, phường An Bình, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

2. **Nguyễn Minh Sơn**, sinh ngày 29/5/2008 tại Nghệ An — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, GKS số 48 ngày 09/6/2008
Hiện trú tại: 67-4, Eungol-gil, Jangan-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C6985760 cấp ngày 28/3/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: tổ 9 phường Trung Sơn, TP. Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình

3. **Mai Ngọc Hà**, sinh ngày 20/5/1985 tại Trà Vinh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, GKS số 365 ngày 04/9/1992
Hiện trú tại: Na dong 506 ho, 313 Garak-ro, Gimhae-si, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: N2056434 cấp ngày 19/01/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

4. **Đinh Viết Nam**, sinh ngày 17/7/2008 tại Hải Phòng Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 203 ngày 21/7/2008
Hiện trú tại: 43-1, Gyeongil-gil, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C6574399 cấp ngày 03/01/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

5. **Nguyễn Khánh Linh**, sinh ngày 21/12/2006 tại Hải Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, GKS số 224 ngày 27/12/2006
Hiện trú tại: 47, Changwon-daero 780beon-gil, Seongsan-gu, Changwon-si, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: C5169369 cấp ngày 11/5/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

6. **Đinh Thị Thảo Sương**, sinh ngày 31/7/2003 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 161 ngày 01/9/2003
Hiện trú tại: 502ho, 26, Insubong-ro 624-gil, Gangbuk-gu, Seoul-si
Hộ chiếu số: C2124118 cấp ngày 28/7/2016 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn 2, xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

7. **Nguyễn Thị Huỳnh Trăm**, sinh ngày 18/7/1993 tại An Giang Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Mỹ Hiệp, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, GKS số 705 ngày 25/11/1994

Hiện trú tại: Dosimulundae APT, 103dong 1202ho, 216, Dadaenakjo 2-gil, Saha-gu, Busan
Hộ chiếu số: N2224450 cấp ngày 15/6/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 267 ấp Trung Châu, xã Mỹ Hiệp, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

8. **Nguyễn Thị Anh Đào**, sinh ngày 25/02/1982 tại TP. Hồ Chí Minh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, GKS số 20 ngày 05/7/1997
Hiện trú tại: # 103, 63-10 Jeung Sanseo-gil Eunpyeong-gu, Seoul
Hộ chiếu số: C6530333 cấp ngày 18/01/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

9. **Phùng Minh Khoa**, sinh ngày 09/01/2015 tại TP. Hồ Chí Minh — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, GKS số 186 ngày 28/10/2016
Hiện trú tại: 126-28 Sanghong 2-gil, Eumam-myeon, Seosan-si, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: C2165851 cấp ngày 15/11/2016 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

10. **Nguyễn Tường Vy**, sinh ngày 09/10/2016 tại Đồng Nai — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TT Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, GKS số 404 ngày 23/11/2017
Hiện trú tại: San 161 Sanggye-dong, Nowon-gu, Seoul

Hộ chiếu số: C6940979 cấp ngày 23/3/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu 5, TT Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

11. **Bùi Văn Mạnh**, sinh ngày 10/11/2007 tại Hải Phòng Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 141 ngày 14/10/2008
Hiện trú tại: 2-9, Deokgok6-gil, Modong-myeon, Sangju-si, Gyeongangbuk-do
Hộ chiếu số: C7117133 cấp ngày 08/4/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

12. **Đinh Thị Khánh Ly**, sinh ngày 10/02/1985 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Đông Hải, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng, GKS số 612 ngày 12/02/1985
Hiện trú tại: 14 Naeto-ro 42gil Jecheon-si, Chungcheonbuk-do
Hộ chiếu số: N1629874 cấp ngày 05/8/2012 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 22/55 Đình Đông, TP. Hải Phòng

13. **Thái Bảo**, sinh ngày 03/12/2012 tại Hậu Giang Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Hỏa Tiến, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, GKS số 164 ngày 10/12/2012
Hiện trú tại: 302ho (Gyeongnambilla), 440nadong, Seohae-ro, Hangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do

Hộ chiếu số: C5022959 cấp ngày 18/4/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Ấp Thạnh Quới 2, xã Hỏa Tiến, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

14. **Lee Mai Hoa**, sinh ngày 02/3/2009 tại Bình Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Phong Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, GKS số 21 ngày 02/3/2010
Hiện trú tại: Hoejeong-dong, Yangju-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C7243733 cấp ngày 26/4/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Phong Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

15. **Nguyễn Thị Hồng Đào**, sinh ngày 11/9/2020 tại Hàn Quốc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 2839 ngày 13/11/2020
Hiện trú tại: 4-5, Hyeonpungseo-ro, Hyeonpung-eup, Dalseong-gun
Hộ chiếu số: N2281868 cấp ngày 17/11/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

16. **Nguyễn Thị Vân**, sinh ngày 30/4/1995 tại Thái Bình Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TT An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, GKS số 103 ngày 27/6/2014
Hiện trú tại: No.115-1002 Byeoksan Livepark Apt., 159 Solsaem-ro, Gangbuk-gu, Seoul
Hộ chiếu số: B8972136 cấp ngày 21/3/2014 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: TT An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

17. **Phạm Quang Hải**, sinh ngày 28/11/1986 tại Hà Tĩnh Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Sơn Giang,
huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
Hiện trú tại: 259 Balan-ri, Hyangnam-eup, Hwaseong-si,
Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N2029341 cấp ngày 19/9/2018 tại Đại sứ quán
Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Sơn Giang,
huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

18. **Phạm Tuấn Tú**, sinh ngày 03/01/2014 Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc,
GKS số 108 ngày 17/3/2014
Hiện trú tại: 259 Balan-ri, Hyangnam-eup, Hwaseong-si,
Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N2029342 cấp ngày 19/9/2018 tại Đại sứ quán
Việt Nam tại Hàn Quốc

19. **Nguyễn Thị Được**, sinh ngày 07/11/1984 tại Đồng Tháp Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Phước Thành,
huyện Thạnh Hưng, tỉnh Đồng Tháp, GKS số 1685
ngày 25/12/1987
Hiện trú tại: 29 Hwaji-ri, Cheorwon-eup, Cheorwon-gun,
Gangwon-do
Hộ chiếu số: N1915619 cấp ngày 04/01/2018 tại Đại sứ quán
Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Phước Thành,
huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp

20. **Thái Bảo Trân**, sinh ngày 08/6/2016 tại Nghệ An Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Trung Đô,
TP. Vinh, tỉnh Nghệ An, GKS số 150 ngày 17/6/2016

Hiện trú tại: 309ho, 102dong, 399, Goyang-dong, Deokyang-gu, Goyang-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C8375420 cấp ngày 08/10/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khối 8, phường Trung Đô, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

21. **Phạm Thị Ngoan**, sinh ngày 10/5/1984 tại Bạc Liêu — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, GKS số 446 ngày 11/12/2002
Hiện trú tại: 1-138 Yeok-dong Gwangju-si Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C3121837 cấp ngày 03/4/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu

22. **Tòng Thị Mina**, sinh ngày 15/10/2012 tại Sơn La — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Hua La, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La, GKS số 52 ngày 11/3/2013
Hiện trú tại: 402ho, 15-16, Hwanggeum-ro, 48beon-gil, Yangchon-eup, Gimpo-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C7679971 cấp ngày 24/6/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Hua La, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La

23. **Nguyễn Thị Bế**, sinh ngày 08/8/1988 tại Long An — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Bình Hòa Tây, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, GKS số 14 ngày 22/5/2000
Hiện trú tại: 30 Cheonggyegil Cheongha-myeon Buk-gu Pohang-si, Gyeongbuk

Hộ chiếu số: N1529234 cấp ngày 07/10/2011 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Bình Hòa Tây, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An

24. **Đỗ Mỹ Linh**, sinh ngày 24/11/2019 tại Hàn Quốc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 2566 ngày 04/12/2019
Hiện trú tại: C dong 111ho 40 Jogangro 36beon-gil, Tongjin-eup, Gimppo-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N2179624 cấp ngày 12/12/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

25. **Nguyễn Minh Toàn**, sinh ngày 05/9/2018 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1549 ngày 17/9/2018
Hiện trú tại: 3 dong 303ho, 423-11 Jakjeon-dong, Gyeyang-gu, Incheon
Hộ chiếu số: N2029312 cấp ngày 17/9/2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

26. **Nguyễn Thái Minh**, sinh ngày 12/6/2018 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 998 ngày 25/6/2018
Hiện trú tại: 337, Guseong-dong, Dongnam-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: N1971539 cấp ngày 25/6/2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

27. **Đinh Huỳnh Mai**, sinh ngày 31/12/2006 tại Cần Thơ Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Trung Thạnh, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ, GKS số 97 ngày 23/3/2007

Hiện trú tại: 205 Happy House, 1058-11, Chiam-dong, Nonsan-si, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: C4404814 cấp ngày 06/01/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Trung Thạnh, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ

28. **Nguyễn Ngọc Minh Châu**, sinh ngày 22/01/2008 Giới tính: Nữ
tại Bình Dương
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, TP. Hải Phòng, GKS số 10 ngày 21/02/2011
Hiện trú tại: 302-1705 ho (ubang (A)) Suseong ro 245beon gil 21, Jangan gu, Suwon si, Gyeonggi do
Hộ chiếu số: C5256231 cấp ngày 23/5/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, TP. Hải Phòng

29. **Nguyễn Chính Thi**, sinh ngày 12/5/1986 tại Bình Định Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Hoài Đức, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, GKS số 159 ngày 09/8/1989
Hiện trú tại: 1702 Dong 402 Ho, 65 Sangsinhagil-ro, Hyangnam-eup, Hwangseong-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N1999937 cấp ngày 30/7/2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Hoài Đức, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

30. **Phạm Thị Thu**, sinh ngày 14/4/1979 tại Cần Thơ Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ, GKS số 209 ngày 16/5/1979

Hiện trú tại: 119, Seodal-ro, Seo-gu, Incheon-si
Hộ chiếu số: N1889614 cấp ngày 28/11/2017 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ

31. **Phạm Bích Trâm**, sinh ngày 15/6/2020 tại Hàn Quốc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 116 ngày 15/01/2021
Hiện trú tại: 9, Daeheung15-gil, Jung-gu, Daejeon-si
Hộ chiếu số: N2300289 cấp ngày 20/01/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

32. **Trần Hà My**, sinh ngày 18/11/2016 tại Hàn Quốc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1221 ngày 16/12/2016
Hiện trú tại: 125dong 503ho, Bunseong-ro 14 beongil, Kimhae-si, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: N1820774 cấp ngày 20/12/2016 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

33. **Ngô Mai Hương**, sinh ngày 15/3/2020 tại Hàn Quốc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1333 ngày 14/4/2020
Hiện trú tại: 28-04, Pyeongcheon-ro 141 beongil, Bupyeong-gu, Incheon
Hộ chiếu số: N2215703 cấp ngày 20/4/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

34. **Ngô Mạnh Hải**, sinh ngày 20/10/2012 tại Thanh Hóa Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, GKS số 186 ngày 06/11/2012

Hiện trú tại: 28-04, Pyeongcheon-ro 141 beongil, Bupyeong-gu, Incheon
Hộ chiếu số: C4476092 cấp ngày 28/02/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

35. **Yoon Yu Na**, sinh ngày 13/4/2018 tại TP. Hồ Chí Minh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, GKS số 03 ngày 22/10/2018
Hiện trú tại: 207ho, Bomaeki 1gil35, Changchon-ri, Namsan-myeon, Chuncheon-si, Gangwon-do
Hộ chiếu số: C6463947 cấp ngày 14/12/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Hòa Lộc, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

36. **Đinh Thị Bảo Ngọc**, sinh ngày 27/6/2002 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 152 ngày 11/9/2002
Hiện trú tại: No.112-902 Wooseong Apt., 55 Jeongnim-ro, Seo-gu, Daejeon-si
Hộ chiếu số: C5296319 cấp ngày 29/5/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

37. **Đặng Thị Diệu Anh**, sinh ngày 08/02/2007 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Cát Bi, quận Hải An, TP. Hải Phòng, GKS số 45 ngày 26/02/2007
Hiện trú tại: 305ho, 488 Yeonsu-dong, Yeonsu-gu, Incheon-si

Hộ chiếu số: C3304154 cấp ngày 05/10/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Cát Bi, quận Hải An, TP. Hải Phòng

38. **Thái Ngọc Bé**, sinh ngày 01/01/1990 tại Hậu Giang Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, GKS số 684 ngày 28/10/1997
Hiện trú tại: 463, Bidan-ro, Geumsan-eup, Geumsan-gun, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: N2058050 cấp ngày 22/12/2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

39. **Nguyễn Nhật Phương**, sinh ngày 07/7/2011 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng, GKS số 121 ngày 20/7/2011
Hiện trú tại: 16 Seweolcheon-ro, Bupyeong-gu, Incheon-si
Hộ chiếu số: C6989246 cấp ngày 25/3/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Tiền An xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng

40. **Phạm Thị Huệ**, sinh ngày 18/01/2000 tại Hải Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tuấn Hưng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, GKS số 11 ngày 24/01/2000
Hiện trú tại: 28-2, Gamsamnam 3-gil, Dalseo-gu, Daegu
Hộ chiếu số: B9213412 cấp ngày 30/5/2014 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Tuấn Hưng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

41. **Đỗ Thị Trà My**, sinh ngày 12/7/2003 tại Quảng Ninh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Hà An, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 96 ngày 04/8/2003
Hiện trú tại: 41, 142beon-gil, Gilju-ro, Seo-gu, Incheon
Hộ chiếu số: C1741127 cấp ngày 13/5/2016 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Hà An, huyện Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

42. **Nguyễn Thị Như Ý**, sinh ngày 07/12/2002 tại Bạc Liêu Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, GKS số 151 ngày 19/12/2002
Hiện trú tại: 170 In-dong, Dong-gu, Daejeon
Hộ chiếu số: C3749618 cấp ngày 28/7/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khóm 5 thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu

43. **Nguyễn Thị Hải Yến**, sinh ngày 01/7/2003 tại Hà Nội Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội, GKS số 298 ngày 08/12/2008
Hiện trú tại: (No 1306, 13F, Seong ho APT, Howon-dong) 85 Beon-gil 61, Anmal-ro, Uijeongbu-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C4462505 cấp ngày 23/02/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội

44. **Nguyễn Văn Điển**, sinh ngày 12/7/1987 tại Vĩnh Phúc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Sơn Lôi, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, GKS số 81 ngày 26/11/1987

Hiện trú tại: 179, Sanbon-ro, Gunpo-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N1503675 cấp ngày 28/7/2011 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Sơn Lôi, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

45. **Nguyễn Bảo Anh**, sinh ngày 20/9/2016 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Cát Dài, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng, GKS số 73 ngày 20/6/2018
Hiện trú tại: 101dong 902ho, 423, Sanho-daero, Gumi-si, Gyeongsangbuk-do
Hộ chiếu số: C7254818 cấp ngày 03/5/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Cát Dài, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng

46. **Lê Thanh Phong**, sinh ngày 23/9/2019 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 3131 ngày 17/12/2020
Hiện trú tại: Garibi12gil26, Gwangjeok-myeon, Yangju-si, Gyeonggi-do, 202ho (Hyundai Tower)
Hộ chiếu số: N2298763 cấp ngày 17/12/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

47. **Lê Lâm Gia Kỳ**, sinh ngày 29/6/2014 tại TP. Hồ Chí Minh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, GKS số 178 ngày 22/7/2014
Hiện trú tại: 1304, 1301-dong, 98Pogu-ro, Namdong-gu, Incheon
Hộ chiếu số: C5357396 cấp ngày 03/6/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu phố 1B phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

48. **Phan Thị Mỹ Huyền**, sinh ngày 16/12/2004 tại Kiên Giang Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Thạnh Phước, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, GKS số 01 ngày 11/01/2005
Hiện trú tại: 52, Incheon-ro 9-gil, Nam-gu, Daegu
Hộ chiếu số: C7550902 cấp ngày 13/6/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Thạnh Phước, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

49. **Nguyễn Thị Mỹ Ngọc**, sinh ngày 07/6/1997 tại Hồ Chí Minh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường 2, quận 8, TP. Hồ Chí Minh, GKS số 131 ngày 23/6/1997
Hiện trú tại: 518-8, Wanggung-ro, Iksan-si, Jeollabuk-do
Hộ chiếu số: B6615038 cấp ngày 11/5/2012 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 83/19 Dạ Nam, phường 2, quận 8, TP. Hồ Chí Minh

50. **Nguyễn Thiên Trang**, sinh ngày 06/01/2006 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Chiến Thắng, huyện An Lão, TP. Hải Phòng, GKS số 04 ngày 10/01/2006
Hiện trú tại: 35 Dadae-ro, Saha-gu, Busan
Hộ chiếu số: C7571919 cấp ngày 06/6/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Chiến Thắng, huyện An Lão, TP. Hải Phòng

51. **Vũ Thị Thúy Hường**, sinh ngày 06/12/2004 tại Hải Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, GKS số 79 ngày 29/10/2007

Hiện trú tại: 29, Uicheon-ro 24gil, Dobong-gu, Seoul-si
Hộ chiếu số: C5246307 cấp ngày 01/6/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

52. **Phan Kim Ngân**, sinh ngày 19/11/2004 tại Long An — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, GKS số 126 ngày 24/12/2004
Hiện trú tại: 23, Myeongryun-ro 24gil, Jung-gu, Daegu-si
Hộ chiếu số: C1041342 cấp ngày 18/12/2015 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Quang Trung, quận Gò Vấp, TP. TP. Hồ Chí Minh

53. **Nguyễn Hồng Châu**, sinh ngày 25/3/1984 tại Cà Mau — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, GKS số 274 ngày 26/7/2006
Hiện trú tại: 30-3, Hyodong3-gil, Wansan-gu, Jeonju-si, Jeollabuk-do
Hộ chiếu số: N1550512 cấp ngày 18/11/2011 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau

54. **Kim Ha Neul**, sinh ngày 18/12/2016 tại Cà Mau — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, GKS số 02 ngày 09/7/2018
Hiện trú tại: Gagok-dong Miryang-si Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: C5802159 cấp ngày 28/7/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

55. **Phan Thanh Trường**, sinh ngày 19/9/1981 tại TP. Hồ Chí Minh Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, GKS số 1117 ngày 02/10/1981
Hiện trú tại: 101ho, 1617-5, Jeongwang-dong, Siheung-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C8211745 cấp ngày 13/9/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Ấp Giòng Cát, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

56. **Phan Bích Vy**, sinh ngày 09/8/2018 tại Hàn Quốc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1416 ngày 30/8/2018
Hiện trú tại: 101ho, 1617-5, Jeongwang-dong, Siheung-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N2029026 cấp ngày 06/9/2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

57. **Nguyễn Phạm Song Giang**, sinh ngày 13/7/2006 tại TP. Hồ Chí Minh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, GKS số 218 ngày 21/7/2006
Hiện trú tại: 309ho, 3dong, Myeongji-apt, Noam-dong, Namwon-si
Hộ chiếu số: C6585695 cấp ngày 08/01/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

58. **Phan Bảo Châu**, sinh ngày 10/12/2012 tại Bắc Ninh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, GKS số 246 ngày 17/12/2012

Hiện trú tại: 103-1601, 180, Nakdong-daero, Saha-gu, Busan-si
Hộ chiếu số: C4144673 cấp ngày 14/11/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn An Động, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

59. **Nguyễn Tùng Lâm**, sinh ngày 06/3/2013 tại Hà Nội Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội, GKS số 88 ngày 27/5/2013
Hiện trú tại: 84 Oryu-ro, 8-gil, Guro-gu, Seoul
Hộ chiếu số: N2306129 cấp ngày 17/3/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xóm Cầu, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội

60. **Vũ Thị Tân**, sinh ngày 25/11/1985 tại Hải Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Phượng Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, GKS số 90 ngày 08/6/2007
Hiện trú tại: 606 Sangma-ri, Cheonggye-myeon, Muan-gun, Jeollanam-do
Hộ chiếu số: N2311551 cấp ngày 10/3/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Phượng Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

61. **Hà Tú Uyên**, sinh ngày 03/3/2006 tại Hà Nội Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Trung Liệt, quận Đống Đa, TP. Hà Nội, GKS số 85 ngày 30/3/2006
Hiện trú tại: Room 402, B-dong, Songkok Villa, Namsan-dong 265-15, Kungjeong-gu, Busan

Hộ chiếu số: N1870538 cấp ngày 28/8/2017 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Nhà 12B TT Đại học Thủy Lợi, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

62. **Hà Bảo Vy**, sinh ngày 25/01/2013 tại Hàn Quốc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 55 ngày 06/3/2013
Hiện trú tại: Room 402, B-dong, Songkok Villa, Namsan-dong 265-15, Kungjeong-gu, Busan
Hộ chiếu số: N1870539 cấp ngày 28/8/2017 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

63. **Vũ Thị Vân**, sinh ngày 05/9/1965 tại Hải Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Phả Lại, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương, ĐKKS năm 1965
Hiện trú tại: 16-6, Geumnyeong-ro 40beon-gil, Cheoin-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N2281282 cấp ngày 05/11/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Phả Lại, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương

64. **Bùi Ngọc Huyền**, sinh ngày 26/4/2006 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 108 ngày 11/5/2006
Hiện trú tại: No.1-201, 23 Injudae-ro551beon-gil, Namdong-gu, Incheon
Hộ chiếu số: N2028837 cấp ngày 28/8/2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

65. **Nguyễn Ngọc Xuân Mai**, sinh ngày 15/02/2005 tại Quảng Ninh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đông Xá, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 19 ngày 25/3/2008
Hiện trú tại: Yangpyeong-gun, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C4239402 cấp ngày 07/12/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Đông Xá, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh

66. **Lưu Mạnh Tường**, sinh ngày 02/8/2004 tại Hải Phòng Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng, GKS số 139 ngày 21/9/2004
Hiện trú tại: 534, Naebalsan-dong, Gangseo-gu, Seoul
Hộ chiếu số: N1970858 cấp ngày 31/5/2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng

67. **Nguyễn Ngọc Điệp**, sinh ngày 07/6/1972 tại TP. Hồ Chí Minh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, GKS số 703 ngày 12/6/1972
Hiện trú tại: 1767-3, Daeyeon-dong, Nam-gu, Busan
Hộ chiếu số: C3242232 cấp ngày 28/4/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Số 38/4, ấp 1, Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

68. **Trần Lê Đức Thịnh**, sinh ngày 31/7/2012 tại TP. Hồ Chí Minh Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, GKS số 241 ngày 13/8/2012

Hiện trú tại: 501ho Nadong, Hwangje APT, Sasaan golgil 6, Sangrok-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C3650035 cấp ngày 10/7/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Tổ 3 Ấp Phước Lộc, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

69. **Trần Lê Phát**, sinh ngày 06/11/2010 tại TP. Hồ Chí Minh Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, GKS số 161 ngày 22/11/2010
Hiện trú tại: 501ho Nadong, Hwangje APT, Sasaan golgil 6, Sangrok-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C3651915 cấp ngày 07/7/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Tổ 3 Ấp Phước Lộc, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

70. **Đinh Thị Thu Thùy**, sinh ngày 26/10/1995 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 133 ngày 27/10/1995
Hiện trú tại: 1105ho, 103dong, Dongbu-apt, 75Jisan 3-ro, Pyeongtaek-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C1256862 cấp ngày 17/02/2016 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

71. **Trần Thị Kim Chính**, sinh ngày 29/9/1987 tại Tây Ninh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đôn Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, GKS số 166 ngày 06/9/1993

Hiện trú tại: #1dong 202 ho Daeheung Billa, 285-2, Seoksu-dong, Manan-gu, Anyang-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C7819842 cấp ngày 22/7/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: ấp Trảng Cò, xã Đôn Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh

72. **Lê Anh Đào**, sinh ngày 23/3/2016 tại Hàn Quốc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 2341 ngày 07/11/2019
Hiện trú tại: 205-ho, 13 Namjungni 6-gil, Seokjeok-eup, Chilgok-gun, Gyeongsangbuk-do
Hộ chiếu số: N2179626 cấp ngày 13/12/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

73. **Đào Nguyên Khôi**, sinh ngày 19/01/2020 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 311 ngày 06/02/2020
Hiện trú tại: 102ho 20-20 Jindeung 2gil, Bongdam eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N2185599 cấp ngày 11/02/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

74. **Ngô Gia Quốc Nam**, sinh ngày 29/11/2018 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 2346 ngày 16/9/2020
Hiện trú tại: 85gil 12, Nambusunhwan-ro, Yangcheon-gu, Seoul-si
Hộ chiếu số: N2251501 cấp ngày 19/9/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

75. **Quách Đắc Di**, sinh ngày 07/6/2015 tại Sóc Trăng — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tuân Tức, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, GKS số 116 ngày 06/7/2015
Hiện trú tại: 102-902, 879, Baekyang-daero, Sasang-gu, Busan-si
Hộ chiếu số: C7505074 cấp ngày 06/6/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Ấp Trung Hòa, xã Tuân Tức, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng

76. **Đoàn Bích Trâm**, sinh ngày 06/10/2019 tại Bạc Liêu — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tân Phong, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, GKS số 768 ngày 30/12/2019
Hiện trú tại: 428, Goejeong-dong, Saha-gu, Busan-si
Hộ chiếu số: C9225718 cấp ngày 14/7/2020 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Tân Phong, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu

77. **Trần Ngọc Nhã Kỳ**, sinh ngày 10/4/2020 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 2238 ngày 08/9/2020
Hiện trú tại: 101, Daecheon-ro, Buk-gu, Daegu-si
Hộ chiếu số: N2251061 cấp ngày 11/9/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

78. **Nguyễn Đức Trí**, sinh ngày 19/02/2011 tại Nam Định — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Lộc Hà, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định, GKS số 29 ngày 04/3/2011
Hiện trú tại: 40-15 Unyong-gil, Dunpo-myeon, Ansan-si, Chungcheongnam-do

Hộ chiếu số: C3194321 cấp ngày 18/4/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Lộc Hà, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định

79. **Nguyễn Đức Duy**, sinh ngày 18/6/2020 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1786 ngày 02/7/2020
Hiện trú tại: 40-15 Unyong-gil, Dunpo-myeon, Ansan-si, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: N2225336 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 06/7/2020.